| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 11 – QUẢNG NGÃI**<br>**TỈNH QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 06- 2026
Vv: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Trần Thị Phượng và bà Y Ma Ry.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà:*** Bà Hiêng Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2026 về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Y T; sinh năm 1995. Căn cước công dân số 062195006051, ngày cấp 28/9/2021.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Quảng Ngãi ( có mặt).

- Bị đơn: Anh A D; sinh năm 1998. Căn cước công dân số 062098006804, ngày cấp 07/10/2022.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, tỉnh Đăk Lăk (Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn - Chị Y T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh A D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Quảng Ngãi) vào tháng 3 năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh A D có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Sau khi biết được, chị đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh D vẫn thường xuyên qua

lại với người phụ nữ đó. Ngoài ra, do cách sống của mỗi người khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lần anh D đánh đập chị, nhất là khi anh A D uống rượu say về. Kể từ thời điểm chị phát hiện anh A D có mối quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác thì chị không còn tình cảm gì với anh A D. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến khi anh A D bị bắt giam.

Ngày 13/9/2022, anh A D bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam X, tỉnh Đăk Lăk, thời hạn chấp hành án phạt là 20 năm. Với khoảng thời gian quá dài như vậy, không thể có thời gian để anh chị hàn gắn, trong khi chị không còn tình cảm gì với anh A D. Sau này anh A D có chấp hành án xong thì chị cũng không thể quay lại với anh A D được nữa.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, không thể tiếp tục sống chung thêm ngày nào nữa, giữa vợ chồng không còn chung tiếng nói, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A D.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Y Diễm M, sinh ngày 12/09/2015. Khi ly hôn, chị T xin nhận nuôn con, không yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con. Trước đây, khi anh A D chưa bị chấp hành án thì việc chăm lo cho con cái cũng một mình chị đảm đương hết. Thu nhập hiện tại của chị có đủ khả năng chăm lo cho con.

- Về tài sản chung: Chị Y T không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Bị đơn – anh A D trình bày tại bản tự khai ngày 23/4/2026 như sau:* Đến nay hai vợ chồng đã không còn thương nhau, hết tình cảm vợ chồng nên quyết định giải thoát cho nhau, đồng tình ra pháp luật để ly hôn. Về con chung thì bản thân không đủ khả năng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên đồng ý để chị Y T nuôi con. Ngoài ra, anh A D không có ý kiến gì khác.

Anh A D có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt vì lý do đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, tỉnh Đăk Lăk.

Tại phiên tòa: Chị Y T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá mâu thuẫn giữa chị Y T và anh A D thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm đ khoản

1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của chị Y T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Y T được ly hôn với anh A D.

+ Về con chung: Giao con chung là Y Diễm M, sinh ngày 12/09/2015 cho chị Y T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được. Anh A D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị Y T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Y T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Y T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A D và được quyền nuôi con khi ly hôn. Tại thời điểm Toà án thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại thôn B, xã S, tỉnh Quảng Ngãi. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là " *ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân khu vực 11-Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y T và anh A D tự nguyện kết hôn với nhau, không vi phạm điều kiện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Quảng Ngãi) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/2018 ngày 28/3/2018 đúng quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị Y T và anh A D là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị T tại phiên toà cho thấy tình cảm của chị Y T và anh A D thực sự không còn. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh A D có tình cảm với người phụ nữ khác, chị Y T đã khuyên anh A D chấm dứt mối quan hệ đó để cùng nhau chăm lo cho hạnh phúc gia đình nhưng anh A D không đồng ý. Ngoài ra, trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhất là khi anh A D uống rượu say về là chửi bới, đánh đập chị Y T. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân.

Về phía bị đơn cũng thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm thương nhau nên đồng ý ly hôn với chị T.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh A D và chị Y T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y T đối với anh A D.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của chị Y T, HĐXX thấy rằng, cháu Y Diễm M hiện tại đang sống cùng chị Y T, cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với mẹ. Thu nhập hàng tháng của chị Y T đảm bảo chăm lo cho con. Mặt khác, anh D cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M vì hiện tại anh đang chấp hành án, mức hình phạt là 20 năm nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Y T, giao cháu Y Diễm M cho chị Y T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa, chị Y T không yêu cầu anh A D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh A D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Y T thuộc trường hợp là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Y T.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 57; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1**. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Y T và anh A D được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Y Diễm M, sinh ngày 12/09/2015 cho

chị Y T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được. Anh A D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh A D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

**2.** Về án phí: Chị Y T thuộc trường hợp là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Y T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí Tòa án nên số tiền tạm ứng án phí không đề cập đến.

**3.** Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/6/2026), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11-Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 11-Quảng Ngãi;
- UBND xã Sa Loong, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Phượng**